TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 25-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Phương;

Bà Trần Thị Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Quốc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 16/2020/TLHS-ST ngày 20 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn T, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2000, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 5, ấp 5, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh H và bà Trần Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 04-5-2017, bị Trưởng Công an xã SD xử phạt 375.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 68/QĐ-XPVPHC; tại Bản án số 07/2018/HS-PT, ngày 30-01-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, g, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; Điều 74; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt Trương Văn T 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án tại Trại giam tỉnh Tây Ninh xong ngày 28-6-2018.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt.

2. Trần Văn T1, sinh năm 1999, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 5, ấp 5, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Liêu Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 15-01-2018, bị Trưởng Công an xã SD xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "Đốt pháo", tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPVPHC. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-3-2020 đến nay và có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 5, ấp 5, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 01-9-2019, Trương Văn T và Trần Văn T1 đến nhà của Dương Văn L ngụ ấp 5, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, để uống rượu. Trong lúc uống rượu, T và T1 bàn bạc với nhau đi trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài, tất cả đồng ý; T về nhà lấy một cây kiềm cắt và một cây kiềm kẹp trước đó lấy tại nhà anh Nguyễn Thành P, đem theo để cắt kẽm rào. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T và T1 đi bộ đến phía sau nhà bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967, ngụ ấp 5, xã SD, để lấy trộm tài sản. Sau khi vào trong nhà bà T, T và T1 chia nhau tìm kiếm tài sản lấy trộm, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu trắng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Huawei, màu vàng đồng; 02 bịch bánh Pía; 11 bao Tốc lá điếu nhãn hiệu JET; 09 chai nước ngọt STING; 01 bịch kẹo dừa; 05 đoạn sắt ống hình vuông dài khoảng 01 mét; 01 túi xách vải Kaki, màu tím, có kích thước 20 cm x 40 cm và số tiền 157.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 02-9-2019, bà T thức dậy phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo Công an để xác minh làm rõ.

Ngày 02-9-2019, T giữ số tiền 157.000 đồng và mang điện thoại vừa trộm được cầm cố cho Trịnh Văn L, sinh năm 1991, ngụ khu phố 3, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, để lấy ma túy sử dụng; các tài sản khác như 02 bịch bánh Pía, 11 bao Tốc lá điếu nhãn hiệu JET, 09 chai nước ngọt STING, 01 bịch kéo dừa T, T1 cùng nhau sử dụng hết.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Châu, T và T1 đã thừa nhận T bộ hành vi phạm tội như trên. Đồng thời khai nhận Dương Văn L có tham gia trộm cắp tài sản tại nhà bà T, nhưng qua điều tra không đủ căn cứ chứng minh L có thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với T và T1.

Kết luận định giá số 66/KL-HĐĐG, ngày 10-10-2019 và Công văn số 01/CV- HĐĐG, ngày 11-02-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Châu, kết luận tổng trị giá tài sản bị mất trộm tại thời điểm ngày 02-9-2019 có trị giá là 3.150.000 đồng.

Vật chứng còn tạm giữ gồm:

+ 01 (một) cây kiềm kim loại, 02 lưỡi cắt dài 2,5 cm, có 2 tay cầm được bọc nhựa màu vàng – đen, kích thước chiều dài 19,5 cm;

+ 01 (một) cây kiềm kim loại (loại kẹp và cắt, đầu tà), có 02 tay cầm được bọc nhựa màu cam – xám, có chiều dài 16,5 cm, phần lưỡi dài 2,9 cm, trên tay cầm có dòng chữ "ANTON";

+ 01 (một) đôi đép nhựa màu đen, mặt bên trong có dòng chữ "AS1A SPORTS"

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường cho bà T số tiền 3.500.000 đồng tương ứng với giá trị điện thoại bị mất; bà T tiếp tục yêu cầu T và T1 phải bồi thường thêm số tiền 4.800.000 đồng tương ứng với giá trị máy tính bảng, hiệu Huawei; đối với các tài sản khác bà T không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSTC ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu , tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Trương Văn T, Trần Văn T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trương Văn T, Trần Văn T1 về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản";

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tà i sản";

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị

hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 02-9-2019, tại ấp 5, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Trương Văn T, Trần Văn T1 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị T gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F7, màu trắng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Huawei, màu vàng đồng; 02 bịch bánh Pía; 11 bao Tốc lá điếu nhãn hiệu JET; 01 bịch kẹo dừa; 09 chai nước ngọt STING; 05 đoạn sắt ống hình vuông dài khoảng 01 mét; 01 túi xách vải Kaki, màu tím, có kích thước 20 cm x 40 cm và số tiền 157.000 đồng.

Kết luận định giá số 66/KL-HĐĐG, ngày 10-10-2019 và Công văn số 01/CV- HĐĐG, ngày 11-02-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Châu, kết luận tổng trị giá tài sản bị mất trộm tại thời điểm ngày 02-9-2019 có trị giá là 3.150.000 đồng nên tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 3.307.000 đồng.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trương Văn T, Trần Văn T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng đã nêu và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Các bị cáo có đủ nhận thức và biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là phạm tội nhưng vì mục đích cá nhân, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của mình gây ra.

Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T1 lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Xét thấy, bị cáo T từng bị xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" đã được xóa án tích; ngoài ra các bị cáo cũng đã từng bị địa phương xử phạt vi phạm hành chính. Điều này cho thấy, các bị cáo không chấp hành tốt các chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[5] Đối với Dương Văn L không đủ cơ sở để xác định hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Châu không xử lý đối với Dương Văn L là đúng quy định.

Đối với hành vi của Trịnh Văn L cầm cố điện thoại do T trộm được là tài sản phạm tội mà có nhưng đến nay chưa làm việc được với L, khi nào làm việc được sẽ có biện pháp xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà T tổng cộng 8.300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T và T1 cùng khai nhận T là người nhận giá trị tài sản trộm nhiều hơn T1, do đó buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại 07 phần và T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại 03 phần. Như vậy, bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 5.810.000 đồng, bị cáo T1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 2.490.000 đồng; bị cáo T đã bồi thường cho bà T số tiền 3.500.000 đồng nên còn phải T1 tục bồi thường thêm số tiền 2.310.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) cây kiềm kim loại, 02 lưỡi cắt dài 2,5 cm, có 02 tay cầm được bọc nhựa màu vàng – đen, kích thước chiều dài 19,5 cm; 01 (một) cây kiềm kim loại (loại kẹp và cắt, đầu tà), có 02 tay cầm được bọc nhựa màu cam – xám, có chiều dài 16,5 cm, phần lưỡi dài 2,9 cm, trên tay cầm có dòng chữ "ANTON" và 01 (một) đôi đép nhựa màu đen, mặt bên trong có dòng chữ "AS1A SPORTS" là công cụ dùng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch T tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Văn T 09 (chín) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 06 (sáu) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11-03-2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Trương Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 5.810.000 đồng; buộc bị cáo Trần Văn T1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà T số tiền 2.490.000 đồng. Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường cho bà T số tiền 3.500.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường thêm số tiền 2.310.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiềm kim loại, 02 lưỡi cắt dài 2,5 cm, có 2 tay cầm được bọc nhựa màu vàng – đen, kích thước chiều dài 19,5 cm; 01 (một) cây kiềm kim loại (loại kẹp và cắt, đầu tà), có 02 tay cầm được bọc nhựa màu cam – xám, có chiều dài 16,5 cm, phần lưỡi dài 2,9 cm, trên tay cầm có dòng chữ "ANTON"; 01 (một) đôi đép nhựa màu đen, mặt bên trong có dòng chữ "AS1A SPORTS".

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên bàn giao nhận vật chứng ngày 24-02-2020).

4. Về án phíhình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trương Văn T, Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh Tây Ninh (01);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (01);
- VKSND huyện Tân Châu (01);
- VP. CQCSĐT CA huyện Tân Châu (01);
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh (01);
- Chi cục THADS huyện Tân Châu (010;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp T.Tây Ninh (01);
- Trại tạm giam (01);
- Bị cáo (02);
- Những người tham gia tố tụng khác (01);
- Lưu hồ sơ (01);
- Lưu tập án HSST (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc